| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số 57/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28.11.2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Ngô Văn Sỹ
2. Ông Nguyễn Công Chi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Ái Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 469/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thúy Q - sinh năm 1980, (*Có mặt*).
- Bị đơn: Ông Thái Văn T - sinh năm 1972, (*Vắng mặt, không có lý do*).

Cùng nơi cư trú: tổ 96, phường H, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 08 tháng 10 năm 2018, Bản tự khai ngày 01 tháng 11 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Hoàng Thúy Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Thái Văn T sống chung với nhau từ năm 2001, đến năm 2004 thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Sau khi kết hôn, bà và ông T chung sống tại số 01 B, phường B, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội - là nhà của cha mẹ bà. Đến cuối năm 2012, thì ông bà chuyển về thuê nhà sống tại tổ 96, phường H, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng cho đến nay. Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2012, trầm trọng nhất là từ năm 2017. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về tính tình, bất đồng về quan điểm sống; ông T thường uống rượu bia về đánh đập bà vô cớ và có nhiều lời lẽ đe dọa, xúc phạm gây áp lực cho bà về thể xác và tinh thần. Từ năm 2012, bà và ông T đã sống ly thân, mặc dù vẫn chung sống một nhà, nhưng phần ai nấy sống.

Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

- Về quan hệ nuôi con chung: Bà xác định bà và ông T có 02 con chung là Thái Hoàng N - sinh ngày 15 tháng 6 năm 2002 và Thái Hoàng H - sinh ngày 27 tháng 8 năm 2004. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà yêu cầu giao 02 con chung cho ông T nuôi dưỡng, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

Tại phiên tòa, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000đ.

- Về quan hệ chia tài sản: Bà xác định bà và ông T có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Thái Văn T không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông T vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành khách quan, đúng trình tự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do, thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật, phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q, xử cho bà Q được ly hôn với ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Q, giao 02 con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi

02 con mỗi tháng 3.000.000đ. Bà Q và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đề cập.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Thái Văn T lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa ông T vẫn vắng mặt, không có lý do. Áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung: Bà Hoàng Thúy Q và ông Thái Văn T đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà Q và ông T là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Q đối với ông T, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông T không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Q. Áp dụng Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống, giữa bà Q và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2012. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về tính tình, bất đồng về quan điểm sống; nhiều lần ông T vô cớ đánh đập bà Q. Việc ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng đã thể hiện ông T không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà Q và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Q đối với ông T, xử cho bà Q được ly hôn với ông T.

Về quan hệ nuôi con chung*:* Bà Q và ông T có 02 con chung là Thái Hoàng N - sinh ngày 15 tháng 6 năm 2002 và Thái Hoàng H - sinh ngày 27 tháng 8 năm 2004. Bà Q yêu cầu được nuôi 02 con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000đ.

Xét ông T không thể hiện yêu cầu được nuôi con nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà Q, xử giao 02 con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mức yêu cầu cấp dưỡng của bà Q là phù hợp, đảm bảo nhu cầu T yếu của các con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ chia tài sản: Bà Q xác định bà và ông T có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Hoàng Thúy Q phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

**1.** Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hoàng Thúy Q đối với ông Thái Văn T về việc "Tranh chấp ly hôn".

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà Q được ly hôn với ông T.

* Về quan hệ nuôi con chung:

Xử: Giao 02 con chung Thái Hoàng N - sinh ngày 15 tháng 6 năm 2002 và Thái Hoàng H - sinh ngày 27 tháng 8 năm 2004 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*). Ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về quan hệ chia tài sản: Bà Q uỳnh xác định bà và ông T không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

**2.** Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* bà Hoàng Thúy Q phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn ngàn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0005798 ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi*

*hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND.X. Q, H. Quế Sơn, T.Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Thủy**